

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HSST
Ngày: 30- 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Truy
- Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2025/HSST, ngày 06 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS, ngày 18/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Huy T; sinh ngày: 01/07/1998; tại: Xã T, huyện T (N là xã N), tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038098026355; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn M; con bà: Bùi Thị Đ; Có vợ là Bùi Thị L và 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/05/2025 đến ngày 22/05/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 22/05/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa; Nhân thân: Ngày 09/02/2023 bị công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt ngày 22/02/2023.

2. Họ và tên: Bùi Văn S; sinh ngày: 20/04/1995; tại: Xã T, huyện T (N là xã N), tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038095018475; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 06/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn B; con bà: Bùi Thị C; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/05/2025

đến ngày 22/05/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 22/05/2025 cho đến nay cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Nhân thân: Ngày 27/4/2017 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2016.

3. Họ và tên: Bùi Văn T1; sinh ngày: 02/10/1991; tại: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N - N là: TDP Q, phường Y, tỉnh Ninh Bình; Số căn cước công dân: 037091005966; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T2; con bà: Bùi Thị G; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/05/2025 đến ngày 22/05/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 22/05/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng

+ Anh Bùi Văn T3, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn E, xã N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn H, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện công tác kiểm danh, kiểm diện đối với người nghiện, nghi nghiện ma túy trên địa bàn, hồi 17 giờ 00 phút ngày 12/5/2025, Phòng CSĐTTP về Ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Công an xã T, T (nay là Công an xã N, tỉnh Thanh Hóa) tiến hành test nhanh các đối tượng nghi sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn xã T, T, Thanh Hóa. Qua test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu xác định Bùi Văn T3, sinh năm 1994 trú tại Thôn E, xã N, tỉnh Thanh Hóa dương tính với ma túy (loại heroine). Bùi Văn T3 khai nhận vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/5/2025, T3 có mua ma túy (heroine) của Bùi Huy T, sinh năm 1998 trú tại Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc đối với Bùi Văn T3 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy để làm căn cứ pháp lý giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của Bùi Văn T3 và các chứng cứ, tài liệu thu thập được đã tiến hành triệu tập đối với Bùi Huy T, sinh năm 1998 và Bùi Văn S, sinh năm 1995 cùng trú tại thôn T, xã N để làm rõ nguồn gốc số ma túy mà đối tượng T3 sử dụng. Tại Cơ quan Công an, Bùi Huy T và Bùi Văn S nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân đã bị phát hiện, biết không thể che giấu được nên đã tự giác xin đầu thú và khai báo về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn T3 xảy ra ngày 12/5/2025.

Tiếp tục mở rộng điều tra, đã tiến hành triệu tập đối với Bùi Văn T1, sinh năm 1991 trú tại Tổ dân phố Q, phường Y, tỉnh Ninh Bình. Tại Cơ quan Công an, biết không thể che giấu được hành vi vi phạm nên Bùi Văn T1 đã xin đầu thú và khai báo về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn S vào ngày 12/05/2025 tại Tổ dân phố Đ, phường Y, tỉnh Ninh Bình.

Cùng ngày, Công an xã N, tỉnh Thanh Hóa đã tiếp nhận đầu thú đối với Bùi Văn C1, sinh năm 1973 trú tại Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

Kết quả điều tra hành vi của các bị cáo thực hiện cụ thể như sau: Bùi Huy T; Bùi Văn S và Bùi Văn C1 đều là người nghiện ma túy (loại Heroine). Vào trưa ngày 12/5/2025, khi cả ba đang ở nhà C1 thì S và T bàn bạc, rủ nhau cùng ra tỉnh Ninh Bình mua ma túy (loại Heroine) về sử dụng và bán kiếm lời. Lúc này C1 cũng đang có mặt, nghe S và T bàn nhau đi mua ma túy nên C1 đưa cho S số tiền 1.000.000VNĐ (một triệu đồng) nhằm mục đích nhờ S và T mua hộ ma túy và được hai người này đồng ý. S và T bàn bạc, thống nhất với nhau ngoài số tiền 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng) mua hộ ma túy cho C1 thì cả hai sẽ cùng mua thêm 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng) tiền ma túy nữa để về sử dụng và nếu có ai hỏi mua sẽ bán lại kiếm lời. Tuy nhiên, do S và T đều không có tiền nên đã thống nhất sẽ cầm cố máy điện thoại của T để lấy tiền đi mua ma túy. S sử dụng điện thoại di động gọi bằng ứng dụng messenger cho Bùi Văn T1, sinh năm 1991 trú tại Tổ dân phố Q, phường Y, tỉnh Ninh Bình để hỏi mua ma túy nhưng thời điểm này T1 trả lời là không có ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T1 gọi lại cho S thông báo là đã có ma túy để bán. S đồng ý và đặt vấn đề hỏi mua của T1 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng) tiền ma túy. T1 gửi cho S mã QR ngân hàng của T1 và yêu cầu S chuyển khoản trước tiền mua ma túy.

Sau khi thống nhất về việc mua ma túy, C1 đưa cho S số tiền 1.000.000VNĐ (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ). S nhận tiền từ C1, sau đó đi đến quán tạp hóa của gia đình chị Bùi Thị P tại thôn T, xã N và nhờ chị P chuyển số tiền 1.000.000VNĐ vào số tài khoản 2310105169007 mở tại ngân hàng TMCP Q (M1) của Bùi Văn T1. Sau khi chuyển tiền thành công, S quay lại nhà C1 và đón T (S lái xe, T ngồi phía sau) đi cầm cố điện thoại để có thêm tiền mua ma túy. Trên đường đi S và T đến quán Đ1 tại thôn E, xã N, tỉnh Thanh Hóa để T cầm cố chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi của T lấy số tiền 1.500.000VNĐ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi có được số tiền 1.500.000VNĐ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cả hai đi đến quán tạp hóa của Bùi Thị L1 tại thôn E, xã N và nhờ chị L1 chuyển tiếp số tiền 1.000.000VNĐ vào số tài khoản 2310105169007 của T1 (S là người đưa mã QR, còn T đưa số tiền 1.000.000VNĐ cho chị L1). Chuyển tiền xong, S chở theo T đi cùng nhau đi đến gặp T1 để nhận ma túy. Khi đến khu vực Tổ dân phố Q, Phường

Y, tỉnh Ninh Bình, S dừng xe để T xuống xe đứng chờ, còn S sử dụng điện thoại gọi cho T1 để hẹn địa điểm nhận ma túy. T1 đã hẹn S đến đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố Q, Phường Y, tỉnh Ninh Bình (cách nhà ở của T1 khoảng 100m). T1 đi đến và ném gói ma túy lại gần chỗ S đứng. S nhận gói ma túy và quay lại đón T đi về nhà C1. Khi về đến nhà C1, S để gói ma túy lên bàn, T và C1 cùng nhau chia nhỏ số ma túy vừa mua được. T lấy ra một ít ma túy đưa cho S, số ma túy còn lại thì T và C1 chia đôi. Sau đó T đề nghị với S cho T mượn điện thoại di động để T làm phương tiện liên lạc bán lẻ ma túy và được S đồng ý.

Sau khi có được ma túy, T mang về cất giấu và đã lấy một phần ma túy để sử dụng một mình tại nhà ở, số ma túy còn lại T cất giấu trên người. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Văn T3, sinh năm 1994 ở Thôn E, xã N, tỉnh Thanh Hóa gọi vào điện thoại của S (lúc này T đang cầm điện thoại của S). Tương đặt vấn đề hỏi mua 01 (một) gói ma túy (loại Heroin). T đồng ý bán ma túy cho T3 và hẹn Tương đến khu vực đường bê tông đầu thôn T, Ngọc T4 để giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, T lấy gói ma túy ra chia thành hai gói rồi một mình đi xe máy BKS: 36AC-504.32 và cầm theo 01 (một) gói ma túy (là một trong hai gói nhỏ T vừa chia ra) mang đến điểm hẹn thì gặp T3 đang đứng chờ sẵn ở đây. T đưa cho T3 01 (một) gói ma túy và được T3 trả cho số tiền 200.000VNĐ (hai trăm nghìn đồng). Sau khi bán ma túy cho T3 thì Tương quay về nhà, Tương mang gói ma túy đến đòi keo gần đó sử dụng một mình hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T3 tiếp tục gọi điện đặt vấn đề hỏi mua của T 01 gói ma túy, T đồng ý bán cho T3 và hẹn Tương ra khu vực đầu đường bên tông (cách vị trí bán trước đó khoảng 1 km). Qua trao đổi T đã bán cho T3 01 gói ma túy với giá 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng). Tương đã mang gói ma túy vừa mua được đến đòi keo gần nhà và sử dụng một mình hết.

Sau khi bán ma túy cho Tương hai lần thu được số tiền 400.000VNĐ (Bốn trăm nghìn đồng), cùng với số tiền 500.000VNĐ (Năm trăm nghìn đồng) trước đó cầm cố điện thoại còn dư và tự bỏ thêm số tiền 650.000VNĐ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), T đã đến cửa hàng điện thoại Nhẫn L2 trả tiền và chuộc lại chiếc điện thoại đã cầm cố. Sau đó, T đã mang chiếc điện thoại Iphone 8 trả lại cho S. Quá trình đầu thú, T đã giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redme, số ma túy còn lại cho cơ quan điều tra. S giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus của mình cho cơ quan điều tra.

Đối với Bùi Văn C1, sau khi nhận được số ma túy do T và S mua hộ, C1 đã đi vào bên trong nhà lấy số một phần nhỏ ma túy vụn ra sử dụng bằng cách hít. Số ma túy còn lại được bọc bằng lớp giấy bạc để trong túi nilon được Chín cất giấu trên người. Quá trình đầu thú, C1 đã giao nộp toàn bộ số ma túy này cho Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, xác định vào khoảng 15 giờ ngày 09/5/2025, Bùi Văn S gặp Bùi Văn C1 tại nhà C1. Tại đây, C1 nhờ S mua hộ cho Chín 500.000VNĐ (Năm trăm nghìn đồng) tiền ma túy, S đồng ý, nhận tiền sau đó một mình đi đến khu vực phường N, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy. Tại đây, S đã mua được từ một người đàn ông tên “H1” (không xác định được nhân thân, lai lịch) 01 gói ma túy (loại Heroine) với giá 500.000VNĐ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, S cầm gói ma túy rồi đi về đưa cho C1. Sau khi nhận được gói ma túy, C1 lấy ra một phần nhỏ đưa cho S, số ma túy còn lại C1 lấy ra sử dụng một phần, số còn lại Chín cất giấu trên người.

Khoảng 23 giờ ngày 09/5/2025, Bùi Văn H, sinh năm 2000 trú tại thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa gọi điện thoại cho C1 đặt vấn đề hỏi mua 01 gói ma túy (H), C1 đồng ý bán ma túy cho H. Chín hẹn H đi đến trước cửa nhà ở của C1 tại thôn T, N để giao dịch mua bán ma túy. Chín đã phân chia ma túy và bán cho H 01 (một) gói heroin với giá 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng). Số ma túy còn lại C1 tiếp tục cất giấu và sau đó đã sử dụng một mình hết.

Tại bản kết luận giám định số 1659/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi “Vật chứng T” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,072g (không phải không bày hai gam) loại: Heroine (H).

- Chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi “Vật chứng Chín” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,199g (không phải một chín gam) loại: Heroine (H).

Heroine (H2) có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Về nguồn gốc ma túy:

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Bùi Văn T1: Do T1 khai mua của 01 người phụ nữ tên T5 lần đầu tiên T1 gặp, không biết rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Bùi Văn S lần S đi mua ma túy hộ cho Bùi Văn C1: Do S khai không rõ nhân thân, lai lịch người này lần đầu tiên S Gặp do đó Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Bùi Huy T, Bùi Văn S, Bùi Văn C1, Bùi Văn T1, Bùi Văn T3, Bùi Văn H; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập xác định hiện tại bị cáo Bùi Huy T, Bùi Văn S, Bùi Văn C1, Bùi Văn T1 không có tài sản và thu nhập.

Vật chứng của vụ án: Khi đầu thú, các bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra:

Bùi Huy T giao nộp:

- 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 04 (bốn) gói giấy nhỏ, bên trong có những gói giấy nhỏ chứa chất bột màu trắng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme 12, vỏ màu xanh, cũ, đã qua sử dụng.

Bùi Văn S giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, cũ, đã qua sử dụng.

Bùi Văn C1 giao nộp:

- 01 gói giấy nhỏ màu vàng, bên trong gói giấy chứa chất bột màu trắng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Bùi Văn T1 giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, cũ, đã qua sử dụng.

Sau giám định chất ma túy, Cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định gồm: Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của các phong bì và 0,062g (không phải không sáu hai gam) chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi "Vật chứng T" ; 0,174g (không phải một bảy bốn gam) chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi "Vật chứng Chín". Tất cả được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh T6, Lại Thị Thanh L3, Nguyễn Xuân T7 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ngày 25/12/2025 bị cáo Bùi Văn C1 đã chết do bệnh nặng, ngày 30/12/2025 gia đình bị cáo đã khai tử tại UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa. Do đó Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa đã quyết định Đình chỉ vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo Bùi Văn C1.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTT, ngày 05/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) Khu vực 7 – Thanh Hóa, đã truy tố các bị cáo Bùi Huy T và Bùi Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS). Truy tố bị cáo Bùi Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Huy T từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn S từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn T1 từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Kết quả xác minh về tài sản thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản và thu nhập nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS);

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme 12, vỏ màu xanh, cũ, đã qua sử dụng.
 - + 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, cũ, đã qua sử dụng.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, cũ, đã qua sử dụng.
- Truy thu của bị cáo Bùi Huy T số tiền 400.000 đồng; Truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh tụng tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ngày 25/12/2025 bị cáo Bùi Văn C1 đã chết do bệnh nặng, ngày 30/12/2025 gia đình bị cáo đã khai tử tại UBND xã N, tỉnh

Thanh Hóa. Do vụ án có nhiều bị cáo, căn cứ đề đình chỉ không liên quan đến các bị cáo khác nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa đã quyết định Đình chỉ vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo Bùi Văn C1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 282 và khoản 7 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội: Xuất phát từ động cơ vụ lợi và nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, nên vào ngày 12/5/2025, Bùi Huy T, Bùi Văn S đã nhận của Bùi Văn C1 1.000.000đ và góp thêm 1.000.000đ, sau đó liên lạc và mua được của Bùi Văn T1 01 gói ma túy loại Heroine với giá 2.000.000đ, sau khi mua được ma túy T và T1 chia phần cho Bùi Văn C1 và chia thành các gói nhỏ, mục đích để sử dụng và bán để kiếm lời. Ngày 12/5/2025 Bùi Huy T đã bán cho Bùi Văn T3 02 lần ma túy lấy 400.000 đồng, số ma túy còn lại T tiếp tục cất giấu để sử dụng và có người nghiện hỏi mua sẽ bán. Do đó hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Bùi Huy T và Bùi Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS. Hành vi của Bùi Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này Bùi Huy T, Bùi Văn S đã cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời, khi mua được ma túy Bùi Văn S cung cấp điện thoại cho Bùi Huy T để T liên lạc và trực tiếp bán ma túy cho người mua. Do đó Bùi Huy T có vai trò cao hơn Bùi Văn S. Đối với Bùi Văn T1 đã trực tiếp bán ma túy cho T và S nên T1 có vai trò độc lập trong vụ án.

[5]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án mua bán trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến các vi phạm và tội phạm khác trong xã hội, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và xử lý bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Bùi Văn S có ông nội là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy: Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Bùi Văn T1 và người đàn ông bán ma túy cho S do các bị cáo khai đều mua lần đầu

không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không xác định được người bán. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra chưa có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

[8]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Bùi Huy T, Bùi Văn S, Bùi Văn C1, Bùi Văn T1, Bùi Văn T3, Bùi Văn H; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản chung hoặc riêng và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng:

[9.1]. Đối với vật chứng là toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9.2]. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme 12, vỏ màu xanh, cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, cũ, đã qua sử dụng các bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9.3]. Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo T bán ma túy cho Bùi Văn T3 sau đó T đã sử dụng để chuộc lại điện thoại đã cầm cố và số tiền 2.000.000 đồng Bùi Văn T1 có được từ việc bán ma túy cho T và S. Đây là số tiền có được do phạm tội nên cần phải truy thu của bị cáo Bùi Huy T số tiền 400.000 đồng, truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 2.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Huy T, Bùi Văn S, Bùi Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Huy T 08 (tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 13/05/2025.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn S 07 (Bảy) năm 09

(Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 13/05/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 13/05/2025.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh T6, Lại Thị Thanh L3, Nguyễn Xuân T7 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme 12, vỏ màu xanh, cũ, đã qua sử dụng.

- + 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, cũ, đã qua sử dụng.

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, cũ , đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa.

- Truy thu của bị cáo Bùi Huy T số tiền 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng), truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước

Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Bùi Huy T, Bùi Văn S, Bùi Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lưu Đình Tâm

Quách Hà Vĩnh

Bùi Văn Hải

